|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_ | | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | |
| Số: 03/TTr-CP | | *Hà Nội, ngày 02 tháng 01 năm 2022* | |

**TỜ TRÌNH TÓM TẮT**

**Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ**

**để hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội**

Kính gửi: Quốc hội

Căn cứ Chương trình Kỳ họp bất thường lần thứ nhất, Quốc hội khóa XV, Chính phủ đã có Tờ trình số 02/TTr-CP ngày 02/01/2022 trình Quốc hội Đề án và dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ để hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế- xã hội *(sau đây gọi tắt là Chương trình)*.

Quá trình xây dựng Chương trình đã bám sát nội dung văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; các Kết luận Hội nghị lần thứ 3, 4 Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII; các Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công 5 năm 2021-2025 và năm 2022; Nghị quyết về Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV.

Trên cơ sở kết luận của Bộ Chính trị tại thông báo số 24-KL/TW ngày 30/12/2021, Chính phủ đã tiếp thu, hoàn thiện Chương trình, gửi tới các Đại biểu Quốc hội tham dự kỳ họp.

Theo quy định, Chính phủ đã xây dựng Đề án và Tờ trình dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ để hỗ trợ Chương trình, trình Quốc hội quyết định theo thẩm quyền. Những nội dung chi tiết đã được trình bày cụ thể trong Đề án và Tờ trình, sau đây là tóm tắt những nội dung chủ yếu của chính sách tài khóa, tiền tệ để hỗ trợ Chương trình như sau:

**I. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

**1. Quan điểm**

- Bám sát chủ trương, định hướng của Đảng, trong đó bảo đảm giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn, đáp ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài, gắn kết chặt chẽ với các kế hoạch 5 năm, hằng năm đã được Quốc hội thông qua, Chương trình tổng thể phòng, chống dịch Covid-19; điều hành linh hoạt, phối hợp chặt chẽ, hài hòa, hiệu quả chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và các chính sách vĩ mô khác.

- Chương trình có quy mô đủ lớn, tác động cả phía cung và phía cầu; có mục tiêu trọng tâm, trọng điểm, xác định đúng đối tượng cần hỗ trợ, tránh lãng phí nguồn lực, gắn trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và cấp ủy, chính quyền các cấp với kết quả thực hiện; thời gian thực hiện chủ yếu trong 02 năm 2022-2023 với lộ trình thích hợp để phục hồi và phát triển nền kinh tế.

- Chính sách, giải pháp hỗ trợ khả thi, kịp thời, hiệu quả, có khả năng hấp thụ nhanh, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, giám sát, đánh giá, tạo động lực tăng trưởng mới, nâng cao năng suất, năng lực cạnh tranh, tính tự chủ của nền kinh tế trong trung và dài hạn.

- Huy động, quản lý và phân bổ các nguồn lực hợp lý, chống tiêu cực, lợi ích nhóm, bảo đảm công khai, minh bạch.

- Làm tốt công tác thông tin, truyền thông, góp phần tạo sự đồng thuận xã hội, khơi dậy, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và hệ thống chính trị, nhất là ở cơ sở trong tổ chức thực hiện.

**2. Mục tiêu:**

- Khôi phục nhanh chuỗi sản xuất, cung ứng, lao động, thúc đẩy các động lực tăng trưởng, phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng bình quân 6,5 - 7%/năm giai đoạn 2021-2025, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn trong trung và dài hạn.

- Phục hồi, phát triển nhanh sản xuất kinh doanh, nhất là ngành, lĩnh vực quan trọng, tiết giảm chi phí, hỗ trợ dòng tiền, bảo đảm tính chủ động, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân trên cơ sở thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch.

- Bảo đảm an sinh xã hội và đời sống của người dân, người lao động, nhất là người nghèo, người yếu thế, đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh, góp phần giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội.

## 3. Các nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Chương trình xác định khung những vấn đề trọng tâm, cần tập trung giải quyết, bao gồm **05 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu** với quy mô thực hiện dự kiến trong năm 2022-2023 như sau: (1) Mở cửa nền kinh tế gắn với đầu tư nâng cao năng lực y tế, phòng, chống dịch bệnh **(60** nghìn tỷ đồng**)**; (2) Bảo đảm an sinh xã hội và hỗ trợ việc làm (**53,15** nghìn tỷ đồng); (3) Hỗ trợ phục hồi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh (**110** nghìn tỷ đồng); (4) Phát triển kết cấu hạ tầng, khơi thông nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển (**113,85** nghìn tỷ đồng); (5) Cải cách thể chế, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Ngoài ra, huy động từ các Quỹ tài chính ngoài NSNN khoảng **10** nghìn tỷ đồng.

# II. CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA, TIỀN TỆ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

## 1. Giải pháp tài khóa

Tổng quy mô là **291** nghìn tỷ đồng, gồm:

**a)** Tăng bội chi để hỗ trợ trực tiếp từ NSNN là**240** nghìn tỷ đồng, bao gồm:

(1) Giảm thuế, phí, lệ phí là **64** nghìn tỷ đồng (chưa tính đến tác động tích cực của Chương trình đến khả năng tăng thu NSNN).

(2) Chi trực tiếp từ NSNN là **176** nghìn tỷ đồng, chỉ sử dụng để chi đầu tư phát triển, chia ra:

*- Về phòng, chống dịch*, đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng, trung tâm kiểm soát bệnh tật cấp vùng, viện và bệnh viện cấp trung ương là **14** nghìn tỷ đồng.

*- Về an sinh xã hội, lao động, việc làm:*

+ Cấp cho Ngân hàng Chính sách Xã hội **5** nghìn tỷ đồng, bao gồm: (i) cấp bù lãi suất và phí quản lý **2** nghìn tỷ đồng để thực hiện chính sách cho vay ưu đãi thuộc Chương trình; (ii) hỗ trợ lãi suất cho đối tượng vay vốn **3** nghìn tỷ đồng.

+ Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp các cơ sở bảo trợ xã hội, đào tạo, dạy nghề, giải quyết việc làm là **3,15** nghìn tỷ đồng.

*- Về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh:*  Hỗ trợ 2%/năm lãi suất thông qua hệ thống các ngân hàng thương mại là **40** nghìn tỷ đồng.

*- Về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng*:

+ Hạ tầng giao thông là **103,164** nghìn tỷ đồng;

+ Cấp vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch và đầu tư hạ tầng chuyển đổi số là **5,686** nghìn tỷ đồng.

+ Hạ tầng phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển, bảo đảm an toàn hồ chứa, thích ứng biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả thiên tai là **5** nghìn tỷ đồng.

**b)** Bố trí từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSTW năm 2021 khoảng **6,6** nghìn tỷ đồng để hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động.

**c)** Giảm chi phí cho doanh nghiệp khoảng **6** nghìn tỷ đồng thông qua việc gia hạn thời hạn nộp thuế, tiền thuê đất năm 2022(135 nghìn tỷ đồng).

**d)** Tăng thêm tối đa **38,4** nghìn tỷ đồng hạn mức phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh cho Ngân hàng Chính sách Xã hội để cho vay ưu đãi hỗ trợ giải quyết việc làm; học sinh, sinh viên; các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập; nhà ở xã hội và bổ sung vốn tín dụng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030.

## 2. Giải pháp tiền tệ

**a)** Điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ để góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng, hỗ trợ tích cực cho phục hồi và phát triển kinh tế; chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiếp tục tiết giảm chi phí quản lý để phấn đấu giảm lãi suất cho vay tối thiểu 0,5%-1% trong 02 năm.

**b)** Tiếp tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ, miễn giảm lãi đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, có giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người dân phù hợp, bảo đảm an toàn hoạt động hệ thống.

**c)** Điều tiết thanh khoản phù hợp để tạo điều kiện đẩy nhanh tốc độ giải ngân cho các đối tượng thụ hưởng gói hỗ trợ lãi suất.

**d)** Điều tiết tiền tệ hợp lý, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát hành trái phiếu Chính phủ.

**đ)** Sử dụng khoảng 46 nghìn tỷ từ các nguồn tài chính hợp pháp khác để nhập khẩu vắc xin, thuốc điều trị và thiết bị, vật tư y tế phục vụ phòng, chống dịch; theo dõi sát tình hình, sẵn sàng bán can thiệp thị trường ngoại tệ trong trường hợp phát hành trái phiếu chính phủ ngoại tệ trong nước tác động tới thị trường ngoại hối.

**e)** Tiếp tục tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc cho người lao động. Cân đối giải pháp về tiền tệ hỗ trợ Chương trình với tổng thể phương án cơ cấu lại các ngân hàng được kiểm soát đặc biệt.

**3. Các giải pháp khác**

**a)** Sử dụng khoảng **5** nghìn tỷ đồng từ Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích để phát triển hạ tầng viễn thông, internet, trong đó sử dụng **1** nghìn tỷ đồng để mua máy tính bảng thực hiện Chương trình “Sóng và máy tính cho em”.

**b)** Sử dụng khoảng **5** nghìn tỷ đồng từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để đổi mới công nghệ, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; giải mã công nghệ; mua thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh...

## 4. Về phương án huy động nguồn lực

**a)** Sử dụng tối đa, hiệu quả các nguồn lực trong kế hoạch trung hạn; tiết kiệm, tiết giảm tối đa các khoản chi, điều chỉnh linh hoạt giữa các nhiệm vụ, khoản mục chi. Phấn đấu tăng thu, triệt để tiết kiệm chi NSNN; đẩy mạnh lộ trình cải cách thuế, chống thất thu, chuyển giá, trốn thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế; triển khai hóa đơn điện tử; thu hồi kinh phí chi thường xuyên chậm phân bổ, chậm triển khai.

**b)** Sử dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách, công cụ phù hợp để huy động thêm nguồn lực thực hiện Chương trình; đẩy nhanh việc thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước; rà soát lại các quỹ tài chính ngoài NSNN, năng lực đầu tư của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước để có kế hoạch huy động, sử dụng phù hợp.

## 5. Các cơ chế đặc thù để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn của các dự án hạ tầng chiến lược, quan trọng, có quy mô vốn lớn thuộc Chương trình

Để bảo đảm thực hiện hiệu quả, thành công các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đề ra trong Chương trình, nhất là trong bối cảnh yêu cầu cấp thiết, phạm vi cần tác động ngay, thời gian thực hiện ngắn, căn cứ tình hình thực tiễn, Chính phủ đã nghiên cứu, đánh giá và trình Quốc hội cho phép thí điểm áp dụng 03 chính sách đặc thù đối với các dự án đầu tư công trong phạm vi Chương trình. Cụ thể:

- Chính sách thí điểm áp dụng hình thức chỉ định thầu đối với các gói thầu tư vấn, gói thầu phục vụ và gói thầu thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư; chỉ định thầu xây lắp kèm theo yêu cầu tiết kiệm khoảng 5% dự toán giá trị gói thầu để đẩy nhanh công tác đấu thầu và có thể lựa chọn được các nhà thầu tốt, nhất là các nhà thầu mạnh, đã thực hiện tốt các gói thầu thuộc Dự án cao tốc Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020, các doanh nghiệp xây dựng có uy tín; xem xét thưởng tiến độ từ kinh phí tiết kiệm được cho các nhà thầu hoàn thành sớm tiến độ dự án từ 3 tháng trở lên. Đồng thời tăng cường kiểm tra giám sát, kiểm toán, thanh tra nhất là trước, trong quá trình thi công xây dựng công trình.

- Cho phép chủ đầu tư được khai thác các mỏ khoáng sản nằm trong Hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng dự án làm vật liệu xây dựng thông thường (chỉ nhằm thực hiện dự án), không phải thực hiện thủ tục cấp phép.Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đánh giá tác động môi trường, quản lý, giám sát việc khai thác, sử dụng mỏ khoáng sản, nộp thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật

- Phân cấp, phân quyền, bố trí nguồn vốn cho UBND cấp tỉnh của một số địa phương có năng lực, kinh nghiệm quản lý và có văn bản đề xuất làm cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các đoạn tuyến/dự án đường cao tốc đi qua địa bàn theo hình thức đầu tư công; Bộ Giao thông vận tải thực hiện các đoạn tuyến/dự án còn lại theo quy định.

Chính phủ chịu trách nhiệm tổ chức triển khai; huy động sự vào cuộc, tham gia giám sát ngay từ đầu của Kiểm toán Nhà nước và các cơ quan chức năng, bảo đảm công khai, minh bạch, chống tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm; báo cáo Quốc hội kết quả thực hiện sau khi kết thúc thời hạn áp dụng chính sách.

**6. Đánh giá tác động** **và giải pháp điều hành**

Những tác động của chính sách đã được nêu đầy đủ trong Đề án và Tờ trình của Chính phủ, trong đó có một số tác động đến chỉ tiêu kinh tế vĩ mô, an toàn tài chính quốc gia, vay và trả nợ công cần chú ý như: (i) Bội chi NSNN bình quân năm 2022-2023 tăng thêm khoảng 1,2% GDP mỗi năm; (ii) nợ công đến cuối năm 2025 khoảng 49-50%GDP; nợ Chính phủ 45-46%GDP; (iii) chỉ tiêu trả nợ trực tiếp của Chính phủ so với thu ngân sách nhà nước có thể có năm vượt 25%; (iv) áp lực lạm phát.

Với yêu cầu huy động nguồn lực lớn cho Chương trình, dự báo tác động đối với các chỉ tiêu an toàn nợ công nêu trên, trong tổ chức thực hiện cần thận trọng, có phương án, giải pháp điều hành kịp thời, linh hoạt, phù hợp trong các tình huống xấu nhất để hạn chế tác động tiêu cực đến các cân đối vĩ mô, mặt bằng lãi suất, tỷ giá, xếp hạng tín nhiệm quốc gia; đồng thời thực hiện hiệu quả Chương trình, phục hồi nền kinh tế trong thời gian ngắn nhất, tạo nền tảng để phát triển trong tương lai.

# III. CÁC NỘI DUNG TRÌNH QUỐC HỘI

Chính phủ trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến về một số chính sách tài khóa, tiền tệ để hỗ trợ Chương trình, cụ thể:

**1.** Tăng bội chi NSNN để có nguồn thực hiện Chương trình với tổng số tiền là **240** nghìn tỷ đồng trong 02 năm 2022-2023; trong đó năm 2022 khoảng 102,8 nghìn tỷ đồng, tăng tỷ lệ bội chi NSNN lên 5,08% GDP (tăng thêm khoảng 1,1% GDP so với dự toán NSNN năm 2022 đã được Quốc hội thông qua). Cho phép: (i) nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ so với thu NSNN bình quân giai đoạn 2021-2025 có thể cao hơn 25%; (ii) tổng mức vay, trả nợ của NSTW có thể cao hơn Kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia Quốc hội đã phê duyệt; (iii) kỳ hạn phát hành trái phiếu Chính phủ bình quân thấp hơn 9 năm. Chấp thuận việc NSNN có thể vay các nguồn tài chính hợp pháp khác phù hợp và hoàn trả khi có nguồn trong kế hoạch tài chính-NSNN hàng năm hoặc các nguồn khác; Bộ Tài chính phát hành trực tiếp trái phiếu Chính phủ cho Ngân hàng Nhà nước.

Giao Chính phủ xây dựng phương án phân bổ dự toán NSNN và phương án bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 cho các chương trình, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KTXH đã đủ thủ tục theo quy định. Quốc hội ủy quyền cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định trước khi Chính phủ phân bổ, giao bổ sung dự toán và bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022.

Đối với năm 2023, Chính phủ tổng hợp kế hoạch và dự toán NSNN chung cho cả phần tăng thêm của Chương trình phục hồi và của năm 2023, trình Quốc hội xem xét, quyết định theo quy định hiện hành.

**2.** Tiếp tục miễn, giảm thuế khoảng **64** nghìn tỷ đồng trong năm 2022 và tính vào bội chi NSNN tương ứng (đã tính trong tổng số kiến nghị tăng bội chi 240 nghìn tỷ đồng tại mục 1 nêu trên).

**3.** Trình Quốc hội quyết định việc cho phép tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch COVID-19 tại Việt Nam cho đến khi cơ quan có thẩm quyền công bố hết dịch COVID-19 theo một trong 02 phương án:

**Phương án 1:** Cho phép tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức **bằng tiền, hiện vật** cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 tại Việt Nam cho đến khi cơ quan có thẩm quyền công bố hết dịch Covid-19. Đối với khoản đóng góp bằng hiện vật phải có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của Bộ Tài chính.

**Phương án 2:** Chỉ cho phép tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức **bằng tiền** cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 tại Việt Nam cho đến khi cơ quan có thẩm quyền công bố hết dịch Covid-19.

**4.** Tăng hạn mức bảo lãnh Chính phủ đối với trái phiếu phát hành trong nước của Ngân hàng Chính sách Xã hội tối đa **38,4** nghìn tỷ đồng để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cho vay ưu đãi trong 02 năm 2022-2023.

**5.** Cho phép bố trí NSNN để tăng vốn điều lệ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong giai đoạn 2021-2023.

**6.** Trong quá trình điều hành chính sách hỗ trợ đầu tư công, để bảo đảm thực hiện hiệu quả và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công của Chương trình trong 2 năm 2022-2023, giao Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định phương án điều chỉnh, phân bổ vốn đầu tư công của Chương trình và Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025.

**7.** Về Danh mục các dự án đầu tư công, giao Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương liên quan khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án, quyết định điều chỉnh chủ trương theo thẩm quyền. Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi phân bổ và giao kế hoạch theo quy định của Nghị quyết số 29/2021/QH15 của Quốc hội.

**8.** Để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án hạ tầng chiến lược, quan trọng, có quy mô lớn trong phạm vi Chương trình, cho phép áp dụng thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về chỉ định thầu đối với các gói thầu tư vấn, gói thầu phục vụ và gói thầu thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư, gói thầu xây lắp; khai thác mỏ khoáng sản để thực hiện dự án; phân cấp, phân quyền, bố trí nguồn vốn cho UBND một số địa phương thực hiện các đoạn tuyến/dự án đường cao tốc theo hình thức đầu tư công đi qua địa bàn như đã trình bày ở trên (Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm các đoạn tuyến/dự án còn lại và tăng cường kiểm tra, giám sát, quản lý nhà nước đoạn tuyến/dự án và phần vốn giao cho địa phương, nếu không sẽ tạo áp lực rất lớn cho Bộ Giao thông vận tải trong tổ chức thực hiện Chương trình).

**9.** Giao Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định điều chỉnh linh hoạt giữa các nhiệm vụ chi của Chương trình đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội để bảo đảm tiến độ thực hiện, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Trên cơ sở Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ sẽ nghiêm túc, khẩn trương tổ chức triển khai, ban hành nhanh các giải pháp thuộc thẩm quyền của Chính phủ; phân công chi tiết nhiệm vụ cho các Phó Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan trung ương, địa phương chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai; tăng cường theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc, bảo đảm tính hiệu quả và khả thi, tránh lạm dụng chính sách, gắn với cá thể hóa trách nhiệm, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát thực hiện; huy động sự tham gia giám sát chặt chẽ, hiệu quả của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên; kịp thời báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong trường hợp có vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền.

Trên đây là tóm tắt Tờ trình dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ để hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế- xã hội, Chính phủ trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến về nội dung dự thảo Nghị quyết và thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ nhất, Quốc hội khóa XV./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thủ tướng và các PTTg Chính phủ;  - Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;  - Văn phòng Quốc hội;  - Kiểm toán Nhà nước;  - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;  - Bộ Tài chính;  - Bộ Y tế;  - Bộ Nội vụ;  - VPCP: BTCN, PCN Mai Thị Thu Vân;  Các Vụ: QHĐP, TH, TKBT.  - Lưu: VT, KTTH (3). | **TM. CHÍNH PHỦ**  **TUQ. THỦ TƯỚNG**  **BỘ TRƯỞNG**  **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**  **(Đã ký)**  **Nguyễn Chí Dũng** |